

MỘT SỐ NHẬN THỨC CHUNG VỀ HOÀNG PHÁP

Tóm tắt: Trong thời gian gần đây, các tín đồ đến sinh hoạt tại các đạo tràng gia tăng; các hoạt động Phật sự gia tăng; các chùa chiền được mở rộng về quy mô và số lượng. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa các vấn nạn được thuyên giảm, đời sống của các cá nhân tín đồ nói chung được an lạc, hạnh phúc... Hiện trạng này đặt ra hai vấn đề: Một là, với sự phát triển mở rộng của nhiều đạo tràng/chùa chiền như hiện nay thì đi kèm với nó là chất lượng hoàng pháp có được gia tăng hay không? Hai là, các phương thức hoàng pháp hiện nay tại các đạo tràng đã thực sự hiệu quả hay chưa, có bám sát tinh thần “tứ khế”, tinh thần “tùy duyên bất biến” của Phật giáo hay không? Trả lời hai câu hỏi này sẽ phần nào khái quát được mức độ, hiệu quả của hoạt động hoàng pháp nói chung hiện nay, và có thể lý giải được bản chất của hiệu ứng đám đông tại các chùa/đạo tràng vào các dịp ngày lễ lớn trong năm. Bài viết này tập trung phân tích những yếu tố cơ bản nhất quyết định đến chất lượng hoàng pháp.

Từ khóa: Phật giáo; tăng đoàn; hoàng pháp; giảng sư; tín đồ; đạo tràng.

Dẫn nhập

Sau ngày Đức Thế Tôn thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ đề, “vì lợi ích cho số đông, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc và an lạc cho chư thiên và loài người”, Ngài đã tìm đến độ cho năm anh em Kiều Trần Như tại vườn Lộc Uyển. Tiếp đó, sau khi tế độ cho sáu mươi vị đệ tử thành đạt đạo quả A-la-hán, Đức Phật quyết định gửi các Ngài đi truyền bá giáo pháp mới mẻ ấy cho tất cả, không có bất luận một sự phân biệt nào¹.

* Trung tâm Nghiên cứu Phật học, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 13/6/2018; Ngày biên tập: 18/6/2018; Ngày duyệt đăng: 25/6/2018.

Đức Phật dạy rằng: “Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí. Hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu. Hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác”². Tam bảo ra đời từ đó. *Tam bảo là Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo*. Phật bảo là Đức Phật; Pháp bảo là giáo pháp của Phật nói; Tăng bảo là đệ tử của Đức Phật, thay Phật hoằng pháp lợi sinh.

Như thế, Đức Phật là vị giáo chủ đầu tiên thành lập Tăng già để đi truyền bá giáo lý, vì lòng từ bi, vì tình thương người khác. Tất cả các vị trong tăng đoàn đều đã chứng ngộ, chỉ có trọng trách duy nhất là truyền dạy giáo pháp và công bố đời sống thiêng liêng phạm hạnh³.

Từ ngày ánh sáng Phật pháp xuất hiện trên nhân gian, Phật giáo lấy việc tế thế độ nhân làm mục đích, đó là nguyên tắc bất di bất dịch. Nhưng về phương pháp, sách lược có thể thay đổi linh hoạt, miễn là không vi phạm nguyên tắc. Do đó, tùy theo xứ hay thời mà Phật giáo khi du nhập vào Việt Nam khi thì mang dấu ấn Đạo gia, lúc thì màu sắc của Nho gia, với tinh thần “tùy duyên mà bất biến”.

Xét đến cùng, dù trong cảnh duyên nào thì tất cả đều được xem như phương tiện để tăng đoàn hoằng truyền chính pháp của Phật Đà. Ở thời kỳ đầu, cả Đức Phật và tăng đoàn đi về tất cả các nẻo để hoằng pháp, độ sinh. Sau dần để thuận tiện cho việc hoằng pháp thì những phương tiện như tinh xá Trúc Lâm, tinh xá Kỳ Viên, giảng đường Lộc Mẫu... được lập ra để làm nơi hướng dẫn tăng chúng và tín đồ tu học; các chùa chiền, đạo tràng, tự viện... tiếp tục theo đó được dựng lên cũng không ngoài mục tiêu ấy.

Tại Việt Nam từ buổi đầu khi Phật giáo du nhập vào, cho đến các thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần,... chùa là nơi an trí tượng Phật, tu hành của tăng, ni và hướng đạo cho tín đồ. Đặc biệt vào thời Lý, Trần, chùa không những là nơi hướng dẫn cho tín đồ mà còn có sự tham gia tu học của các vị vua, quan trọng triều. Nhìn chung, qua mỗi giai đoạn lịch sử Việt Nam, mỗi ngôi chùa có những phương thức hướng dẫn tín đồ tu học khác nhau, được hình thành từ nhiều thế kỷ và kế thừa cho đến ngày nay.

Đầu thế kỷ XX, trong Phong trào Chấn hưng Phật giáo, có nhiều hội, đoàn được thành lập, vì thế mô hình tu tập được mở rộng khắp ba

miền: Nam, Trung, Bắc. Theo đó, những thập niên cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI cho đến hiện nay, nhiều khóa tu học dành cho tín đồ được mở ra, với nhiều nội dung tu học khác nhau, được tổ chức ở các tỉnh thành trong cả nước. Để hoằng pháp được thực sự đạt hiệu quả, trước hết phụ thuộc vào cách thức hoằng pháp, người hoằng pháp/giảng sư/trụ trì/ và người được hoằng pháp/tín đồ/người học. Đây là những yếu tố then chốt, quyết định đến chất lượng hoằng pháp.

1. Các yếu tố liên quan đến phương thức hoằng pháp

1.1. Khái niệm hoằng pháp

Hoằng pháp là truyền bá đạo pháp, là một ngành tối quan trọng trong Phật giáo. Phật giáo thịnh hay suy đều do Hoằng pháp⁴. Đạo Phật sáng tỏ hay lu mờ cũng do Hoằng pháp. Tín đồ hiểu được đạo lý sâu hay cạn cũng do Hoằng pháp.

Hoằng pháp là hình thức thuyết giảng chính pháp (dhammam desetha), mang lời Phật dạy truyền bá đến mọi chúng sinh. Kinh Đại bản ghi lại: “Này các Tỷ-kheo, Ta khuyên dạy các người: Này các Tỷ-kheo, hãy đi cùng khắp, vì hạnh phúc cho đại chúng, vì an lạc cho đại chúng, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì lợi ích, vì an lạc cho loài Người, loài Trời. Chớ có đi hai người cùng một chỗ. Này các Tỷ-kheo, hãy thuyết giảng chính pháp, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, nghĩa lý đầy đủ, văn cú vẹn toàn. Hãy nêu rõ đời sống phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Có những chúng sinh ít nhiễm bụi đời, nếu không được nghe giảng chính pháp sẽ bị nguy hại. (Nếu được nghe), sẽ thâm hiểu chính pháp”⁵.

Hoằng pháp mang ý nghĩa quan trọng trong Phật giáo. Vì vậy người hoằng pháp cần có những đức tính tốt, từ *thân hành*, *khẩu hành* và *ý hành*, mới có thể mang giáo pháp truyền bá đến chúng sinh.

Qua một số dẫn luận trên, Hoằng pháp mà người viết hướng đến ở đây được hiểu là một hệ thống bao gồm các lời dạy của Đức Phật, tập hợp trong Kinh, Luật,... cụ thể hóa qua 3 tiêu chí:

1. Các kỹ năng truyền bá lời Phật dạy.

2. Các phương thức rèn luyện con người một cách đúng đắn để chuyển hóa, thanh tịnh thân và tâm.

3. Trở thành các chuẩn mực phổ biến áp dụng vào cộng đồng tu sĩ, cư sĩ cũng như xã hội.

1.2. Mục đích hoằng pháp

Thời tại thế, Đức Phật đã nêu rõ về mục đích của hoằng pháp là: *Truyền dạy giáo pháp và công bố đời sống thiêng liêng phạm hạnh*. Chức vụ của chư vị A-la-hán, những người đã thành tựu mục tiêu giải thoát, là nâng cao đời sống đạo đức của người khác bằng cách nêu gương lành trong sạch và nghiêm túc trì giới⁶.

Từ đó, Ngài và Tăng già đã dạo khắp các vùng Ấn Độ, dù là chốn đô hội thị thành hay các miền thôn dã, tùy phương tiện mà hóa độ khắp tất cả chúng sinh bình đẳng, dù cao sang quyền quý hay nghèo cùng khốn khổ, không phân biệt giai cấp hay chủng tộc, già hay trẻ, tất cả đều được chấp nhận vào trong đoàn thể, tất cả đều được hưởng cơn mưa Pháp vị.

Trong kinh điển Bắc truyền, đặc biệt Kinh Pháp Hoa, chỉ rõ Đức Phật thị hiện vào đời là nhằm “Khai Thị chúng sinh Ngộ Nhập Phật tri kiến”.

Cũng vậy, tinh thần này được minh họa cụ thể trong Kinh Tương Ưng, đề cập đến mục tiêu, tinh thần hoằng pháp:

Thưa hiền giả, những ai là những vị thuyết pháp ở đời? Những ai là những vị khéo thực hành ở đời? Những ai là những vị khéo đến ở đời? Tôn giả Sàriputra (Xá-Lợi-Phất) đáp lời du sĩ ngoại đạo:

“Này Hiền giả, những ai thuyết pháp để đoạn tận Tham, những ai thuyết pháp để đoạn tận Sân, những ai thuyết pháp để đoạn tận Si; những vị ấy là những vị thuyết thuận pháp ở đời.

Này Hiền giả, những ai thực hành đoạn tận Tham, thực hành đoạn tận Sân, thực hành đoạn tận Si; những vị ấy khéo thực hành ở đời.

Này Hiền giả, những ai đoạn tận Tham, Sân, Si cắt đứt tận gốc rễ, làm cho như thân cây Sa La, làm cho không thể tái sinh, làm không thể sinh khởi trong tương lai; những vị ấy là những vị Tỷ kheo đến ở đời”⁷.

Đây cũng là điểm đặc thù nhất trong Phật giáo: *Giáo pháp của Ngài như trận mưa lớn, tất cả các loại cỏ cây đều được thấm nhuần*⁸.

Hơn hai ngàn năm trôi qua, những người con Phật vẫn tiếp tục đi trên con đường đó. Trên tinh thần truyền thừa mạng mạch Phật pháp, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng coi hoằng pháp là chức năng quan trọng hàng đầu của Giáo hội. Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã lập ra Ban Hoằng pháp (BHP) nhằm truyền bá giáo lý Phật Đà đến nhân sinh, thực thi sứ mạng hoằng dương Phật pháp và tuyên truyền các chủ trương của Giáo hội.

Điều 2, Nội quy Ban Hoằng pháp Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam quy định rõ, hoằng pháp là hoạt động nhằm mục đích: Hộ trì chính pháp, lợi lạc chúng hữu tình. Đồng thời hướng dẫn tăng, ni, Phật tử phát huy tư tưởng trong sáng, tích cực và đa dạng của giáo lý Đạo Phật, làm cho ý nghĩa đích thực của Đạo Phật được thể hiện trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, mang lại hạnh phúc an vui cho con người.

1.3. Phương thức hoằng pháp

Phương thức là con đường, là cách thức, phương pháp thực hiện để đạt mục tiêu. Có mục tiêu đúng nhưng cách thức/phương pháp không tương thích thì không đạt được mục tiêu hoặc không hiệu quả.

Phương thức được đề ra dựa trên các yếu tố sau: mục đích, nội dung, chủ thể thực hiện, đối tượng/khách thể được thực hiện, và hoàn cảnh tác nhân bên ngoài. Trong đó, yếu tố được tác động đóng vai trò quyết định đến phương thức tác động. Nghĩa là, nếu tác động đến những đối tượng/khách thể khác nhau thì phương thức đưa ra cũng phải khác nhau. Vì thế các hình thức hoằng pháp khác nhau cũng do yếu tố này.

Thời còn tại thế, Đức Phật hoằng pháp và dạy các chúng đồ đệ dựa trên thực tiễn và đối tượng hoằng pháp mà đưa ra các pháp phương tiện, như: khế lý, khế cơ, khế xứ, khế thời; hay phương tiện tam giáo: thân giáo, khẩu giáo và ý giáo; hay tùy căn cơ chúng sinh mà dùng pháp: Ngũ giới, Thập thiện, Lục độ, Tứ nhiếp pháp, Tứ vô lượng; cũng như tùy chúng sinh mà nói ra Ba thừa, Ngũ thừa hay Một thừa, v.v...

Phương thức hoằng pháp cần được đề ra trên cơ sở phân xuất như vậy khiến cho công tác hoằng pháp đạt hiệu quả cao. Vì vậy, phương tiện phải luôn có tính mềm dẻo và linh hoạt trên tinh thần “tùy duyên mà bất biến, bất biến mà tùy duyên”. Xác định được điều này, các đạo tràng sẽ áp dụng các phương thức tổ chức phù hợp để đem hiệu quả cao cho hoạt động tu tập của tín đồ.

1.4. Hình thức hoằng pháp

Nếu như trong thời kỳ chấn hưng Phật giáo, hoằng pháp chủ yếu tập trung vào: diễn giảng, phiên dịch và sáng tác, kiểm duyệt giáo lý thì hiện nay, để đáp ứng với xu thế xã hội và thời cuộc, các hình thức hoằng pháp mở rộng theo tinh thần tứ khế (lý, cơ, xứ, thời), bao gồm: giảng kinh, tụng kinh, niệm Phật, dạy thiền, viết bài, dịch sách, hướng dẫn Phật tử và tham gia các hoạt động xã hội khác, v.v...

Để các hình thức hoằng pháp được hiệu quả, đòi hỏi yếu tố đầu tiên là *người hoằng pháp phải là người có năng lực, đã chuyển hóa hay phần nào chuyển hóa được thân tâm. Bản thân họ phải là mẫu hình của năng lực tu tập về thân, khẩu, ý*. Để mang chính pháp đến với mọi chúng sinh, người hoằng pháp phải biểu đạt được ra bên ngoài là người thầy có trí tuệ (am hiểu chính pháp) và từ bi, bình đẳng.

Tất cả các hình thức trên đây cũng đều là phương tiện nhằm đạt cứu cánh: Hoằng truyền giáo pháp của Đức Phật, tạo ra phương thức rèn luyện thân tâm và trở thành chuẩn mực áp dụng vào cộng đồng tu sĩ, cư sĩ và xã hội.

2. Những yếu tố ảnh hưởng đến phương thức hoằng pháp

Căn cứ vào mục tiêu *giảng dạy lý thuyết và thực hành lời Phật dạy* cho tín đồ tu học tại các đạo tràng, chúng tôi thấy có ba yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động hoằng pháp, gồm: người hoằng pháp/người dạy, người học và cơ sở vật chất.

2.1. Người hoằng pháp

Thời Đức Phật tại thế, hoằng pháp dựa vào vai trò của Tăng già - Giáo đoàn do Như Lai lựa chọn - là những vị đã đắc quả A-la-hán. Vì vậy, một người để trở thành tín đồ Phật giáo, trước hết cần được Quy y Tam bảo: Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng.

Tăng bảo là một trong ba bảo vật của Phật giáo. Tăng bảo còn là Phật pháp còn, Tăng bảo vững mạnh thì Phật pháp trụ thế lâu, đem lại lợi lạc cho muôn loài chúng sinh.

Hiện nay, tại các chùa, tự viện, đại diện cho tăng bảo truyền bá giáo pháp của Đức Cồ Đàm và hướng dẫn tín đồ tu tập là các giảng sư, trụ trì chùa, người đứng đầu tự viện, cũng đồng thời là người giảng pháp, người hướng dẫn tu học,... Vậy nên vai trò của người giảng sư nói chung đặc biệt quan trọng.

Nhìn vào giảng sư, uy nghi và đạo hạnh, trí tuệ và lòng bi mẫn, nội công và ngoại lực,... tất cả tập trung nơi vị giảng sư tạo ra một phong thái (khí chất) khiến các tín đồ tự nguyện tín kính (Tam Bảo) tin, học theo làm điều lành, lánh điều dữ, một lòng theo thầy.

Đức Phật đã chỉ ra thế nào là một vị trưởng lão được ái mộ, ưa thích, tôn trọng, noi gương để hoằng pháp, vị đó phải: “Đạt được nghĩa vô ngại pháp, pháp vô ngại giải, đối với các sự việc, các vị đồng phạm hạnh cần phải làm, hoặc lớn, hoặc nhỏ vì ấy thiện xảo, không có biếng nhác, thành tựu trí phương tiện, ở đây vừa đủ để làm để khiến người làm”⁹.

Tuy nhiên, để được điều đó đòi hỏi quá trình nỗ lực, bền chí, dày công văn-tư-tu, Giới-Định-Tuệ của vị thầy/giảng sư/nhà hoằng pháp. Hằng ngày, tăng sĩ phải trau dồi Giới luật, đem sở học lẫn sở tu của mình ra để truyền trao cho người, có nghĩa là không chỉ truyền trao ngôn ngữ văn tự suông, mà còn bằng cả tâm huyết của chính mình. Chính Đức Phật, trước khi là nhà hoằng pháp, Ngài đã phải trải qua quá trình đào luyện văn-tư-tu.

Trong kinh Tăng Chi, Đức Phật chỉ ra những điều căn bản đối với người hoằng pháp/người giảng pháp là cần phải có và thông hiểu 5 phạm sự của mình (dhammadesakadhamma):

- (1) *Thuyết tuân tỳ thứ lớp, có nghĩa là từ thấp lên cao.*
- (2) *Thuyết y cứ theo pháp môn và kinh điển.*
- (3) *Thuyết vì lòng từ bi, muốn cho người khác được lợi ích.*
- (4) *Thuyết không vì lợi lộc, không muốn được lợi hay được đền đáp.*

(5) *Thuyết không đụng chạm mình và người khác, không cố ý châm chích, khen mình chê người.*

Người giảng pháp thiếu một trong năm chi phần này xem như là nhiệm vụ người hoằng pháp không hoàn hảo.

Cũng trong *Tăng Chi bộ kinh* (quyển ba), Đức Phật cũng chỉ ra 5 lợi ích của người nghe pháp (Dhammassavanānisamsa):

- (1) *Nghe được Pháp chưa từng nghe.*
- (2) *Thông suốt Pháp đã nghe.*
- (3) *Đoạn trừ được nghi hoặc.*
- (4) *Giúp tri kiến đúng đắn.*
- (5) *Nội tâm trong sáng.*

Về phương tiện hoằng pháp, Đức Phật thường sử dụng 2 phương tiện, đó là: đi bộ và thần thông. Trong *Tăng Chi bộ kinh* ghi lại lịch sinh hoạt của Đức Phật mỗi ngày như sau:

- (1) *Buổi sáng đi trì bình khát thực.*
- (2) *Buổi chiều thuyết pháp độ chúng sinh.*
- (3) *Buổi tối dạy đạo chư tăng.*
- (4) *Khuya giải đáp thắc mắc của chư thiên.*
- (5) *Rạng đông nhập từ bi quán để tìm chúng sinh hữu duyên tiếp độ.*

Thực tế, để hóa độ chúng sinh, Đức Phật đã phải tự mình đi trên con đường đau khổ, tự mình tu luyện, rèn giũa thân tâm, tự mình chứng ngộ.

Vì vậy, để đi trên con đường hoằng pháp, trước tiên người hoằng pháp phải văn-tư-tu. Đó là hành trình dài gian khổ của sự tu luyện thân giáo, khẩu giáo, ý giáo, sau đến Đức Phật vận dụng khéo léo tứ khế (lý, cơ, thời, xứ) để hoằng pháp. Ngài như vị lương y tùy bệnh mà cho thuốc, như người cha lành tùy căn cơ chúng sinh, dùng sức phương tiện nơi một Phật thừa mà nói thành ba¹⁰. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa* cũng ghi: Chư Phật đời quá khứ dùng vô lượng vô số phương tiện, hết thầy nhân duyên, lời lẽ thí dụ mà vì chúng sinh diễn nói các pháp¹¹, như một trận mưa xuống thấm ướt khắp cả cây cối,

rừng rậm, cây lớn, nhỏ, tùy theo hạng mà hấp thụ có sai khác... nhưng tựu chung, tất cả đều đạt đến quả vị giải thoát, Niết-bàn, tịnh tịch¹².

Đề trang bị khả năng hoằng pháp, trong kinh điển, Đức Phật còn dạy cho chúng đệ tử Tỷ kheo về giáo lý Ngũ minh: 1. *Nội minh*; 2. *Nhân minh*; 3. *Y phương minh*; 4. *Công xảo minh*; 5. *Thanh minh*. Đây là giáo lý được xem như là một trong những phương pháp tối ưu nhằm hoàn thiện những nhà hoằng pháp trên cả hai phương diện Phật học và thế học. Bên cạnh đó, giáo lý Ngũ minh còn đề cao ba yếu tố quan trọng cho việc hoằng truyền chính pháp: 1. *Con người hoằng pháp*; 2. *Phương tiện hoằng pháp*; 3. *Nội dung hoằng pháp*. Như vậy, mẫu người tu sĩ có đầy đủ Ngũ minh là mẫu người lý tưởng nhất trong việc truyền bá Phật giáo, thuyết pháp, độ sinh và cả về phần tự tu tập¹³.

Do vậy, hạnh nguyện ‘Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sinh vi bản hoài’ của người hoằng truyền chính pháp đều phải được thể hiện thông qua thân giáo, khẩu giáo, ý giáo. Nói cách khác, toàn bộ “tam giáo” của giảng sư phải thể hiện được sự mẫu mực, đạo hạnh, trí tuệ cho các tín đồ noi và nương theo.

Đương nhiên, tu học và chứng đắc là hai vấn đề khác nhau. *Phật là thầy chỉ đường, giáo lý chính là con đường và tín đồ là người sẽ tự mình đi trên con đường đó theo sự hướng dẫn trợ giúp của chư tăng*¹⁴.

Thân giáo là dùng thân giáo hóa người khác mà không qua ngôn ngữ. Để có được thân giáo chuẩn mực, người hành trì trước hết cần áp dụng giới luật, kinh tạng, ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày. *Thân giáo là một phương thức giáo dục quan trọng trong ba phương thức giáo dục Phật giáo: thân giáo, khẩu giáo và ý giáo*¹⁵.

Thân giáo được thể hiện rõ thông qua việc hành trì giới luật. *Giới luật là hệ thống các điều khoản đạo đức do Đức Phật chế định cho hàng đệ tử xuất gia và tại gia thọ trì, nhằm đem đến sự an lạc cho bản thân, cho tăng đoàn và xã hội*¹⁶.

Giới là điều răn, luật là những quy luật thực hành giới đã chế định ra. *Giới* theo ngôn ngữ Pali là Sila, tức những điều răn cấm nhằm ngăn ngừa những tội lỗi, khi hành trì tốt giới nào thì hành giả được giải

thoát giới đó, hay còn gọi giới là biệt giải thoát. Người thực hành giới cần phải biết bốn phương diện của giới, gồm: Giới pháp, Giới thể, Giới hạnh và Giới tướng.

Giới pháp: chỉ cho những giới luật Đức Phật đã quy định như: Không được sát sinh, không được tà dâm, không được trộm cắp... để răn cấm và làm quy phạm cho hành giả, đây tức là con đường ra khỏi sinh tử.

Giới thể: Thể tính đặc giới phát sinh nơi hành giả sau khi thọ lĩnh giới pháp. Đây là cội gốc sinh ra muôn hạnh.

Giới hạnh: Sau khi được giới thể luôn ngăn ngừa ba nghiệp: thân, khẩu và ý không bị lầm lỗi, luôn để trong tâm để rộng tu phương tiện.

Giới tướng: Tướng trạng sai biệt của giới, như: Không được sát sinh, không được tà dâm, không được trộm cắp... thành tựu oai nghi tế hạnh, tất cả cử chỉ đều đúng như pháp, đức tướng phát sinh¹⁷.

Khi thực hành thân giáo dựa vào bốn yếu tố nêu trên, sẽ tránh sự lầm lỗi, oai nghi đều đúng theo pháp, thành tựu các hạnh lành, thoát khỏi sự chi phối của sinh, già, bệnh và chết.

Thân giáo được thể hiện qua sự thực hành của chính vị thầy, không phải dùng ngôn từ chỉ dạy mà qua hành động, cách ứng xử, uy nghi đĩnh đạc, tâm đoan chánh, đi đứng khoan thai, tâm hồn luôn vui vẻ, hóa giải những phiền muộn một cách nhẹ nhàng... từ hành động mang tính giáo dục này, người học trò để ý học theo những đức tính đó và thực hành theo.

Sở học: Trong suy nghĩ của người học trò, vị thầy là người có kiến thức uyên bác, mọi việc đều hiểu biết. Tiêu chí của người thầy trong nhà Phật ngoài việc hiểu về kiến thức xã hội ra còn phải am hiểu Tam tạng (Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng) và nắm được cốt lõi trong Tam tạng, đủ năng lực hướng đạo đến tín đồ theo từng căn cơ giáo hóa.

Muốn truyền bá giáo lý, người hoằng pháp phải hiểu giáo lý, không thể không am hiểu giáo lý mà truyền bá tư tưởng đạo Phật đến mọi người. Xưa kia chúng ta thường không chú trọng đến yếu tố này, dẫn đến người hoằng pháp không am hiểu, lại hướng dẫn người học một cách mù mờ, thế là người hướng dẫn lẫn người học thực hành

*theo mê tín. Do đó, người ta mới đi sâu vào những hành động sai lầm: vàng mã, đồng bóng, cúng sao cúng hạn, dòi mả, giết hại sinh vật để tế thần tế thánh, cúng kiếng ông bà*¹⁸.

Việc hiểu và nắm rõ Tam tạng vô cùng quan trọng. Người thầy nếu đi truyền bá Phật pháp mà không hiểu rõ lời Đức Phật dạy, không có sự thể nghiệm dẫn đến lầm lạc trong đường đạo. Ví dụ, nếu nói về nhân quả hay nghiệp báo mà người dạy chưa hiểu rõ các nguyên lý của nó sẽ hướng dẫn tín đồ lầm lạc. Người dạy cần trích dẫn cụ thể các kinh luật nói về vấn đề mình đang trình bày, làm sao người học thấy được lời dạy có căn cứ cụ thể trong Kinh tạng. Việc am hiểu Tam tạng là yếu tố cần thiết nhưng để chuyển tải hiểu biết của mình đến cộng đồng Phật tử là cả một nghệ thuật.

Nếu người dạy không biết phân định theo thứ lớp, về nhận thức, trình độ của từng đối tượng thì việc truyền đạt đến người tiếp thu sẽ ảnh hưởng và có khi phản tác dụng.

Để truyền đạt phù hợp, người dạy cần biết căn cơ từng đối tượng và nội dung chia sẻ trong các buổi giảng dạy. Ví dụ, một sinh viên đến học đạo thì giảng dạy khác so với một người có trình độ thấp, đã ngoài sáu mươi tuổi. Sinh viên có thể dạy về đạo lý mang tính thâm sâu vì các em có khả năng tiếp thu tốt hơn những đối tượng khác, còn người lớn tuổi chỉ cần dạy giáo lý đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hành... làm sao khi ứng dụng họ có sự an lạc nhất định. *Do vậy, trong phương thức hoằng pháp cần lưu ý tới việc phân chia độ tuổi, trình độ, căn cơ để giảng dạy.*

Trong *Kinh Pháp Hoa*, phẩm *Dược Thảo Dụ*, Đức Phật dạy: *Các giống cây lớn nhỏ, tùy hạng thượng, trung, hạ mà hấp thụ khác nhau. Một cụm mây tuôn mưa xuống xứng theo mỗi giống loại mà cây cỏ đặng sinh trưởng, đơm bông kết trái. Dầu rằng một cội đất sinh, một trận mưa thấm nhuần mà các cỏ cây đều có sai khác*¹⁹.

Hình ảnh dẫn dụ trong bản kinh cho thấy sự uyển chuyển của người dạy, nhìn nhận giáo hóa đúng thứ lớp căn cơ. Đức Phật là bậc thầy về giảng dạy nên trước khi thuyết giảng cho thính chúng, *Đức Như Lai xem xét các căn lợi độn, tinh tấn hay giải đãi của chúng sinh đó,*

thuận vừa sức nó kham được mà vì chúng nói pháp, chủng loại nhiều vô lượng, Phật đều khiến vui mừng đặng nhiều lợi lành²⁰.

Vì vậy, tăng, ni đóng vai trò hàng đầu trong việc hoằng truyền giáo lý Phật Đà. Tăng, ni là hình ảnh của Phật pháp hiện hữu trên thế gian. Nếu người thầy/trụ trì/giảng sư/người hướng dẫn tu học có chính kiến, có trí tuệ, bình đẳng và lòng từ bi với chúng sinh; nếu họ đã chuyển hóa được thân tâm thì mới có thể mang thân, khẩu, ý mà hoằng truyền chính pháp. Người học, tín đồ nhìn hình ảnh trầm hùng, tĩnh lặng và tràn đầy tình thương thì tất yếu họ sẽ tự nguyện tin, tín mà theo. Như thời Đức Phật tại thế, hình ảnh của tăng đoàn đi khát thực, hoằng pháp khiến cho nhiều người, kể cả ngoại đạo, nhìn mà sinh tín tâm, khởi lòng Quy y Tam bảo.

2.2. Người học/tín đồ

Trong mọi sự, để đi đến đích, đều phải phụ thuộc vào người đi trên con đường ấy. Đức Phật là thầy chỉ đường, đi hay không, đến hay không, không phải do Đức Phật mà do chính người đi trên đường đó. Để kết luận quá trình hoằng pháp được hiệu quả hay không, yếu tố đầu tiên để căn cứ đó là người học/tín đồ có chuyển hóa thân, tâm hay không và mức độ chuyển hóa đến đâu. Đức Phật đã từng nói: *Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành. Hãy tự thấp đuốc lên mà đi.*

Phật giáo là tôn giáo bác bỏ vai trò của Thượng Đế, Đấng Tối cao có quyền năng thưởng, phạt. Ngược lại, Phật giáo khẳng định, con người là chủ nhân của nghiệp, chủ nhân của thiện và ác, của khổ đau và hạnh phúc nơi mình. Ta là vị cứu tinh cũng như là vị thần bảo hộ cho ta. Tự ta tạo nghiệp và tự ta chuyển nghiệp. Nếu ta “khéo tu thì nổi, vụng tu thì chìm; ai ăn người ấy no, ai tu người ấy chứng”.

Như vậy, trong phương thức hoằng pháp để hiệu quả, đối tượng hoằng pháp phải được đặt lên hàng đầu. Do vậy, Đức Phật tùy vào căn cơ chúng sinh mà khéo nói Pháp, tùy vào tri kiến của chúng sinh mà nói ra Ba thừa hay Một thừa.

Vì thế, nếu cá nhân tín đồ/người học có niềm tin mãnh liệt vào Tam bảo, tinh tấn tu tập, và nhờ có phương tiện thiện xảo mà các đạo tràng tổ chức, hướng dẫn, thì cá nhân tín đồ đó sẽ có thể chứng đắc ngay

trong kiếp sống hiện tại; nếu không, họ hoàn toàn có thể an nhiên, tỉnh thức đối mặt với thực tại dù đó là nghịch cảnh; họ có thể tự tạo niềm vui, tự tại, an lạc cho mình và cho cả tha nhân.

Hoằng pháp hiệu quả hay không, không chỉ phụ thuộc vào vai trò của giảng sư mà phụ thuộc vào mức độ tiếp nhận và chuyển hóa, ứng dụng của người học vào trong cuộc sống.

Vì vậy, để đánh giá hiệu quả, chất lượng của công tác hoằng pháp phải dựa trên yếu tố có tính tiên quyết thứ hai đó là người học. Bởi vì, mục đích của hoằng pháp là đem pháp của Đức Phật đến tín đồ nói riêng, chúng sinh nói chung nhằm chuyển hóa khổ đau nơi họ để họ có thể nhận được pháp vị an lạc, giải thoát.

Người hoằng pháp muốn đạt hiệu quả phải căn cứ vào năng lực, trình độ và mục tiêu của người học mà đưa ra phương tiện hoằng pháp cho phù hợp. Đây chính là điều mà Đức Phật đã từng nói: hoằng pháp phải căn cứ vào tứ khế “khế lý, khế cơ, khế xứ và khế thời”. Tức là, thuyết pháp không chỉ dựa vào “thời thế thể, thể thời phải thế” mà trước nhất phải dựa vào căn cơ, chủng tính của chúng sinh mà đưa ra phương tiện, tuy nhiên phải trên tinh thần của giáo lý, không sai khác.

Phương tiện giáo hóa như trên đã được Đức Phật truyền dạy bằng cả lý thuyết và thực tiễn hoằng pháp mà Ngài huyễn hóa lúc Ngài còn tại thế: “Đúng thế, dần dần tâm trí con người phải được tu tập để đạt đến những chân lý cao cả hơn...”²¹. “Pháp của ta là Pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, xán lạn trong từ cũng như trong ý. Giản dị nhưng đại chúng có thể hiểu được. Vì vậy, ta phải nói bằng ngôn ngữ của đại chúng. Như trẻ con, đại chúng thích nghe kể chuyện. Ta sẽ kể chuyện để giải thích lý mầu của Chính pháp...”²². “Trước khi ngồi trên Pháp tòa, ta luôn hòa hợp sắc tướng của ta với sắc tướng của thính chúng, âm thanh của ta với âm thanh của thính chúng. Ta nói với họ bằng ngôn ngữ của họ, với những bài pháp, những cuộc luận đàm đạo đức, ta hóa độ họ, ta làm cho họ phấn khởi và vui lên...”²³.

Như vậy, hoằng pháp được đề ra trên cơ sở năng lực cá nhân của người học, mục đích, căn cơ của họ, như người cần pháp cho pháp, người khát cho nước, người ốm cho thuốc, người khổ cho an vui, người đói cho ăn, người rét cho mặc ấm, sau đến mới cho pháp vị.

Ở đây, chúng tôi muốn đề cập đến *yếu tố quyết định thành tựu của hoạt động hoằng pháp là năng lực học tập và chuyển hóa của người học* khi tiếp nhận từ người dạy.

Học Phật pháp không phải chỉ bám vào vị thầy và giao trách nhiệm cho người thầy mà chính người học có thể chủ động nhìn nhận thông qua sự kiểm chứng của mình. *Trông cậy vào người khác để giải thoát là tiêu cực, trông cậy vào chính mình mới là tích cực*²⁴.

Bản chất của quá trình dạy học là sự tương tác giữa người dạy và người học. Nếu người dạy có tư chất đạo đức, có công phu tu tập, có sự trải nghiệm trong sự chuyển hóa khi đối diện các duyên bên ngoài... nhưng người học do trình độ nhận thức, năng lực tiếp nhận không thấu đáo, chưa rõ vấn đề, không chú tâm theo thầy học... sẽ dẫn đến người học mất đi nhân duyên tốt để học đạo.

Trường hợp người dạy không có sự trải nghiệm, chỉ nói suông trên bình diện lý thuyết nhưng người học do năng lực hạn chế, không nhìn ra điều đó, lại nương theo thầy tu học. Cũng có trường hợp, vì không có sự trải nghiệm và am tường Phật pháp nên có thể người dạy sẽ hướng dẫn sai lệch, người học một lòng tin theo kể cả những việc không đúng tinh thần nhà Phật, đây là điều tai hại rất lớn cho người dạy lẫn người học. Trường hợp người học có tâm huyết hướng thiện, chú tâm tu học nhưng vị thầy dạy không tâm huyết làm mất cơ hội để người học vững bước trên đường đạo. Trường hợp người học và người dạy đều tâm huyết, đều có một định hướng về việc học và dạy, thì cả thầy trò cùng đạt kết quả tốt.

Đó là những yếu tố cơ bản có thể quyết định đến khả năng tu học và hiệu quả của hoằng pháp giữa người dạy và người học. Do đó, Đức Phật từng dạy: pháp của ta là cái bè dùng để qua sông; ngón tay chỉ Trăng, chứ ngón tay không phải là Mặt Trăng (Chân lý). Vì vậy, để thành tựu giải thoát, mỗi chúng sinh phải tự mình đi trên con đường của mình, mình phải là người thầy dẫn dắt mình truy tầm chân lý.

Đức Phật là minh chứng sống động cho việc tự tu, tự chứng, tự giác, tự độ. Người thầy chỉ làm nhiệm vụ hướng dẫn, chỉ bày và hình mẫu cho chúng đồ tu học, noi theo. Còn đến được đích hay không còn

do năng lực tu học của học trò. Đức Phật cũng từng nói: “Ta như thầy thuốc, biết bệnh cho thuốc. Người bệnh chịu uống thuốc ấy hay không, chẳng phải do lỗi nơi thầy thuốc. Lại cũng như người khéo chỉ đường, chỉ cho mọi người con đường tốt. Nghe rồi mà chẳng đi theo, thật chẳng phải lỗi nơi người chỉ đường”²⁵.

Vì vậy, năng lực của người học được thể hiện trước hết ở việc nhận biết rõ sự vật - như - vốn - là thông qua sự truyền dạy của thầy; là sự tự kiểm chứng và chuyển hóa của bản thân trước thực tiễn cuộc đời.

2.3. Cơ sở vật chất

Hiệu quả hoằng pháp không chỉ chịu ảnh hưởng bởi giảng sư/người hướng dẫn tu học; cá nhân tín đồ/người học mà còn bị ảnh hưởng bởi các tác nhân khác, như: cơ sở vật chất, tuổi tác, giới tính, trình độ học vấn, kinh tế gia đình của người tu học; bối cảnh xã hội và lịch sử, mặt trái của sự phát triển khoa học, công nghệ,....

Cơ sở vật chất là những phương tiện phục vụ cho việc hoằng pháp, bao gồm:

(1) Chính điện hoặc hội trường chính, nơi hành thiền, nơi kinh hành, tượng Phật, chuông, mõ, khánh, micro, ánh sáng... (để thực hiện nghi lễ, tu tập);

(2) Hội trường, máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, ghế, bảng viết, tọa cụ, máy quay phim, máy chụp hình, thiết bị truyền hình trực tiếp... (để thực hiện thuyết giảng);

(3) Khu nhà nghỉ, nhà vệ sinh dành cho Phật tử; khu nhà nghỉ dành cho chư tăng; khu sinh hoạt và khu vui chơi cho các em nhỏ, khu trai đường dùng cơm, khu nhà bếp, khu đọc sách, thư viện, các dụng cụ chấp tác... (dùng để sinh hoạt).

Môi trường giáo dục là môi trường quan trọng hàng đầu, để giáo dục thành công ngoài nhân tố con người còn có cơ sở vật chất. Dĩ nhiên, người giáo dục là tâm điểm của sự thành công, là nơi chi phối toàn bộ chương trình giáo dục.

Bên cạnh đó, để hỗ trợ cho việc giáo dục có chất lượng, cần có cơ sở vật chất. *Cơ sở vật chất có vai trò quan trọng trong việc giáo dục, có thể ảnh hưởng đến chất lượng của quá trình dạy và học.* Trên thực

tế, tâm lý người học khi đến môi trường đầy đủ những công cụ và cơ sở vật chất, họ thích thú và siêng năng học hơn là nơi có cơ sở vật chất chưa tốt.

Có những chùa mở các khóa tu học, nhưng vì cơ sở vật chất không đủ nên tín đồ ngồi ngoài đất, hoặc lót những tấm bạt dùng làm phương tiện ngồi học, hoặc có nơi tín đồ phải tự mình mang theo các vật dụng cần thiết để sử dụng trong khóa tu... nên đây là những hạn chế và tồn đọng của việc tổ chức. Thiết nghĩ, Giáo hội cần sớm có sự chỉ đạo quy chuẩn cho các tự viện mở các khóa tu học nên thiết lập cơ sở vật chất đầy đủ phục vụ việc dạy và học. Một cơ sở giảng dạy nếu đầy đủ thiết bị và cơ sở vật chất thì người học sẽ tiếp thu tốt, huy động được nhiều tầng lớp đến học hơn, việc tiếp thu bài học từ người dạy sẽ tốt hơn.

Kết luận

Khi nói đến 4 chữ “Hoàng pháp độ sinh” là nói đến mục tiêu tối thượng của người hoàng pháp: làm sao làm vơi nỗi khổ và đem an lạc cho người. Đức Phật từng dạy đệ tử Ngài: “Chư Tỳ kheo! Xưa cũng như nay, Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ”²⁶. Đó là chân lý bao trùm trong những lời Phật giáo hóa chúng sinh.

Công cuộc hoàng pháp có thể dẫn dắt hành giả đi bằng nhiều con đường khác nhau tùy điểm xuất phát, nhưng tất cả phải dẫn đến đích cuối: giúp người hành giả đạt đến sự hiểu biết và giác ngộ chân lý này. Vì hiểu biết càng sâu, thì niềm tin tôn giáo càng vững. Có một ví dụ mà đức Phật đã kể để so sánh hai khái niệm chấp nhận chân lý và giác ngộ chân lý, Ngài nói rằng: Giác ngộ chân lý như người ném mật, còn chấp nhận chân lý mà không hiểu thì cũng giống như người dùng thìa hứng mật, múc mật mà không ném vảy.

Người học Phật thực chứng phải là người giác ngộ chân lý như người ném mật kia. Có trí tuệ mới giải thoát được khổ đau, thấy được chân lý rồi mới thật sự “viễn ly điên đảo mộng tưởng”. Mà muốn đi tới chỗ an định, trí huệ sáng suốt thì phải quán chiếu nơi chính mình. Sự nghiệp hoàng pháp đi vào đời sống phải đạt được thành tựu này.

Phật giáo với chủ trương phụng sự hòa bình, phụng sự đất nước và nhân loại cần lan tỏa tư tưởng và giáo lý tốt đẹp vào cuộc sống, xây dựng

một nền tảng đạo đức tôn giáo để mỗi người trong cuộc đời này là một “bông hoa giác ngộ” trong khu vườn chính pháp, luôn đem lại an vui và hạnh phúc cho thế gian. Để làm được lợi lạc này hoằng pháp là một cách thức/phương tiện thiện xảo để giáo hóa, hướng dẫn chúng sinh.

Do vậy, ngay từ đầu, hoằng pháp đã là sứ mệnh của tăng đoàn - những người truyền tiếp mạng mạch Phật pháp trong nhân gian. Với mỗi hoằng pháp viên, khẩu hiệu: “hoằng pháp vi gia vụ, lợi sinh vi bản hoài” không phải là lời hiệu triệu mà là lý do tồn tại của tăng đoàn. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Narada Maha Thera (2017), *Đức Phật và Phật Pháp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 117.
- 2 Narada Maha Thera (2017), *Đức Phật và Phật Pháp*, Sdd: 118.
- 3 Narada Maha Thera (2017), *Đức Phật và Phật Pháp*, Sdd: 118.
- 4 Thích Thiện Hoa (1971), *Phật giáo Việt Nam ngày nay*, Tổng vụ Tài chánh xuất bản và phát hành (Bản thảo lưu hành nội bộ): 41.
- 5 Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 1, 14. Kinh Đại Bản*, VNCPHVN, Tp. Hồ Chí Minh: 502.
- 6 Narada Maha Thera (2017), *Đức Phật và Phật Pháp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 118.
- 7 Thích Minh Châu Việt (dịch, 1981), *ĐTKVN, Kinh Tăng Chi II – B*, tr. 821.
- 8 Thích Minh Châu Việt (dịch), (1981), *ĐTKVN, Kinh Tăng Chi II – B*, tr. 289.
- 9 Thích Minh Châu Việt (dịch), (1981), *ĐTKVN, Kinh Tăng Chi II – B*, tr. 148.
- 10 Thích Trí Tịnh (2007), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Quyền Thứ Ba - Phẩm Dược Thảo Dụ Thứ Năm, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 117.
- 11 Thích Trí Tịnh (2007), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Quyền Thứ Ba - Phẩm Dược Thảo Dụ Thứ Năm, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 61.
- 12 Thái Văn Anh (2018), *Niềm tin Tôn giáo của tín đồ Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh: 178.
- 13 Thích Chơn Thiện (2016), *Phật học khái luận*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh: 538.
- 14 Thái Văn Anh (2018), *Niềm tin Tôn giáo của tín đồ Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh: 122.
- 15 <http://giacngo.vn/lichsu/2011/04/14/737449/>, truy cập ngày 31/01/2018.
- 16 Thích Minh Thông (2009), *Phân tích giới tướng Tỳ kheo và phương thức sám tội*, Nxb. Phương Đông: 9.
- 17 Thích Minh Thông (2009), *Phân tích giới tướng Tỳ kheo và phương thức sám tội*, Sdd: 10-11.
- 18 Thích Thiện Hoa (2012), *Phật học phổ thông 1*, Khóa IV Bài Thứ Mười: Ngũ Minh, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 645.
- 19 Thích Trí Tịnh (2007), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Quyền Thứ Ba - Phẩm Dược Thảo Dụ Thứ Năm, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 188-189.
- 20 Thích Trí Tịnh (2007), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Quyền Thứ Ba - Phẩm Dược Thảo Dụ Thứ Năm, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 190.

- 21 Viện Đại học Vạn Hạnh (1968), *Lễ tôn kinh Đức Phật, Nhà đại giáo dục diễn từ và cảm từ* (Tài liệu nghiên cứu nội bộ).
- 22 Viện Đại học Vạn Hạnh (1968), *Lễ tôn kinh Đức Phật, Nhà đại giáo dục diễn từ và cảm từ* (Tài liệu nghiên cứu nội bộ).
- 23 Viện Đại học Vạn Hạnh (1968), *Lễ tôn kinh Đức Phật, Nhà đại giáo dục diễn từ và cảm từ* (Tài liệu nghiên cứu nội bộ).
- 24 Thích Phước Sơn (2009), *Phật Học Khái Yếu*, Phần I: Cốt tủy đạo Phật, Văn Hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh: 7.
- 25 Giáo hội PGVN (2011), *Di giáo kinh*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 46.
- 26 Đại học Vạn Hạnh (1973), *Trung Bộ I*, Kinh Xà Dụ: 140.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Văn Anh (2018), *Niềm tin Tôn giáo của tín đồ Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Vũ Kim Biên (1999), *Văn hiến làng xã vùng đất tổ Hùng Vương*, Trung Tâm UNESCO xuất bản.
3. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ 1, 14. Kinh Đại Bối*, VNCPHVN, Tp. Hồ Chí Minh.
4. Thích Minh Châu Việt (dịch, 1981), *ĐTKVN, Kinh Tăng Chi II - B*.
5. Thích Minh Châu (1991) (dịch), *Kinh Trường Bộ 1, 14. Kinh Đại Bối*, VNCPHVN, Tp. Hồ Chí Minh.
6. Thích Minh Châu (2005), *Đức Phật nhà đại giáo dục*, Phương pháp học Phật, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Thích Thiện Hoa (1971), *Phật giáo Việt Nam ngày nay*, Tổng vụ Tài chánh xuất bản và phát hành (Bản thảo chỉ phổ biến nội bộ).
8. Thích Thiện Hoa (2012), *Phật học phổ thông 1*, Khóa IV Bài Thứ Mười: Ngũ Minh, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
9. Narada Maha Thera (2017), *Đức Phật và Phật Pháp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Thích Chơn Thiện (2016), *Phật học khái luận*, Nxb. Hồng Đức, Tp. Hồ Chí Minh.
11. Thích Trí Tịnh (2007), *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa*, Quyển Thứ Ba - Phẩm Dược Thảo Dụ Thứ Năm, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
12. Thích Minh Thông (2009), *Phân tích giới tướng Tỷ kheo và phương thức sám tội*, Nxb. Phương Đông.
13. Thích Nhật Từ (2011), *Phật giáo & thời đại*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
14. Thích Phước Sơn (2009), *Phật Học Khái Yếu*, Phần I: Cốt tủy đạo Phật, Văn Hóa Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.
15. Viện Đại học Vạn Hạnh (1968), *Lễ tôn kinh Đức Phật, Nhà đại giáo dục diễn từ và cảm từ* (Tài liệu nghiên cứu nội bộ).
16. Đại học Vạn Hạnh (1973), *Trung Bộ I*, Kinh Xà Dụ.
17. Giáo hội PGVN (2011), *Di giáo kinh*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
18. <http://giacngo.vn/lichsu/2011/04/14/737449/>, truy cập ngày 31/01/2018.
19. <https://thuvienhoasen.org/a6955/tim-hieu-ve-trao-luu-tinh-do-tai-viet-nam>, truy cập ngày 6/02/2018.

Abstract**SOME GENERAL AWARENESS OF BUDDHIST PREACHING****Lam Van Liem***Centre for Buddhist Studies, Ho Chi Minh City*

In recent years, the number of believers attended to the activities of the Service has increased; the Buddhist temples are expanded. However, it does not mean that the problems have been reduced, the lives of believer are peaceful and happy. This situation poses two issues: First, how's the quality of Buddhist preaching as a result of the expansion of many the Services and pagodas. Second, current methods of propagation are effective or not, in association with the spiritual of Catursatya (four Axioms) or not? Answering these two questions will outline the extent and effectiveness of the current Buddhist preaching and explain the nature of the crowd effect at temples on the festival occasions or great ceremonies. This article focuses on the most fundamental factors determined the quality of Buddhist preaching.

Keywords: Buddhism; Shanga; Buddhist preaching.